



Bài báo nghiên cứu

QUAN NIỆM VỀ QUỐC HỌC CỦA TRÍ THỨC VIỆT NAM BA THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỈ XX

Đoàn Nguyễn Thùy Trang

Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Đoàn Nguyễn Thùy Trang – Email: trangdnt.sg@gmail.com

Ngày nhận bài: 29-9-2021; ngày nhận bài sửa: 21-10-2021; ngày duyệt đăng: 25-10-2021

TÓM TẮT

Bài báo này tìm hiểu quan niệm về quốc học của giới trí thức Việt Nam trong ba thập niên đầu thế kỉ XX thông qua việc khảo sát và phân tích nội dung tư liệu sách, báo đương thời nhằm làm rõ ý nghĩa của quan niệm này đối với văn hóa Việt Nam. Bài viết chia thành hai giai đoạn: từ 1900 đến 1913 và từ 1913 đến 1932. Giai đoạn 1900-1913 đánh dấu vai trò nổi bật của các trí thức Nho sĩ cựu học, còn giai đoạn 1913-1932 có sự tham gia nhiều hơn của trí thức tân học. Kết quả nghiên cứu cho thấy quan niệm về quốc học đã thể hiện ý thức mới của trí thức về quốc gia – dân tộc và đã góp phần kiến tạo lại bản sắc, thúc đẩy hiện đại hóa nền văn hóa Việt Nam. Việc nhận diện đúng bản chất quan niệm quốc học đầu thế kỉ XX sẽ giúp đánh giá xác đáng hơn vai trò của vấn đề quốc học trong diễn trình văn hóa Việt Nam.

Từ khóa: trí thức; hiện đại hóa; ý thức dân tộc; quốc học

1. Đặt vấn đề

Cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, trước sức mạnh quân sự của phương Tây, các phong trào yêu nước theo kiểu truyền thống ở Việt Nam lần lượt rơi vào thế bế tắc. Nho giáo, hệ tư tưởng nền tảng của xã hội cổ truyền Việt Nam đứng trước một cuộc khủng hoảng vì không thể giải quyết được những bài toán đang đặt ra cho vận mệnh đất nước là độc lập dân tộc và văn minh tiến bộ. Trong bối cảnh của cuộc tiếp xúc văn hóa Đông – Tây diễn ra mạnh mẽ không chỉ ở Việt Nam mà còn trong khu vực Đông Á, các nhà Nho cựu học nước ta đã tiếp thu tư tưởng Khai sáng của châu Âu thông qua con đường tân thư, tân văn, trong đó có tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây, quy luật tiến hóa xã hội của Darwin, từ đó tự trang bị ý thức mới về quốc gia – dân tộc, nhận thức tầm quan trọng của văn hóa – văn minh và xu hướng phát triển của thời đại. Xuất phát từ những tiền đề trên, dù chưa xuất hiện thuật ngữ “quốc học” ở thập niên đầu thế kỉ XX, nhưng những đường hướng cơ bản về quốc học đã được xác lập từ nhận thức và hoạt động của trí thức duy tân và phong

Cite this article as: Doan Nguyen Thuy Trang (2021). The views of national learning of Vietnamese intellectuals in the first three decades of twentieth century. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(10), 1842-1854.

trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Tuy nhiên, điều này chưa thực sự được chú ý trong các nghiên cứu. Các công trình về phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục như *Quá trình chuyển biến tư tưởng của Nho sĩ Việt Nam* của Trần Thị Hạnh (2012), *Đông Kinh Nghĩa Thục và phong trào cải cách văn hóa, xã hội, tư tưởng đầu thế kỉ XX* của Chương Thâu (2015), *Trí thức Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc từ đầu thế kỉ XX đến 1945* do Nguyễn Đình Thống chủ biên (2017) và hàng loạt công trình khác về Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Đào Nguyên Phổ... chủ yếu đánh giá đóng góp của giới trí thức ở phương diện đổi mới ý thức hệ và các hoạt động cải cách văn hóa – xã hội.

Đến đầu thập niên 30, thuật ngữ “quốc học” xuất hiện rầm rộ trên văn đàn trong cuộc tranh luận giữa một số trí thức với nội hàm tương đối rõ ràng hơn. Khảo sát về cuộc tranh luận này có các công trình đã đề cập dưới góc độ văn học sử như *Phê bình và cáo luận* (Thiếu Sơn, 1933), *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* (Phạm Thế Ngũ, 1961), *Bảng lược đồ văn học Việt Nam* (Thanh Lãng, 1967), *Luận về quốc học* (Nhiều tác giả, 1999); dưới góc độ lịch sử báo chí, tư tưởng có công trình *Báo chí Việt Nam từ khởi thủy đến 1945* (Huỳnh Văn Tòng, 1973); *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám* của Trần Văn Giàu (1998); hoặc dưới góc độ chân dung văn học: *Nhà văn hiện đại* (Vũ Ngọc Phan, 1942). Tuy nhiên các nghiên cứu này lại chưa đề cập vấn đề “quốc học” của thập niên 90. Vì vậy, trong bài viết này, dưới góc nhìn văn hóa, chúng tôi sẽ tìm hiểu một cách đầy đủ hơn quan niệm về quốc học của giới trí thức trong ba thập niên đầu thế kỉ XX, được thể hiện qua nhận thức, hoạt động của phong trào Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục và qua cuộc tranh luận về quốc học trên báo chí, từ đó chỉ ra ý nghĩa của quan niệm này đối với văn hóa Việt Nam.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Tư liệu nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, chúng tôi khảo sát quan niệm về quốc học theo hai giai đoạn: từ 1900-1913 và 1913-1932. Chúng tôi phân chia các giai đoạn này dựa trên sự kế thừa cách phân chia thế hệ khá hợp lí mà Thanh Lãng (1972) đã thực hiện trong *Phê bình văn học thế hệ 1932*, trong đó ông chia 4 thế hệ của “nền văn học mới” gồm: thời kì thứ nhất: thế hệ 1862 (1862-1900); thời kì thứ hai: thế hệ 1900 (1900-1913); thời kì thứ ba: thế hệ 1913 (1913-1932); thời kì thứ tư: thế hệ 1932 (1932-1945). Đối với vấn đề quốc học, giai đoạn 1900-1913 thể hiện vai trò nổi bật của các trí thức Nho sĩ cựu học, giai đoạn 1913-1932 có sự tham gia nhiều hơn của trí thức tân học. Năm 1913, *Đông Dương tạp chí*, tờ báo Quốc ngữ đầu tiên của Bắc Kỳ ra đời, đánh dấu sự xuất hiện của nhiều trí thức tân học với những đặc điểm nhận thức và ứng xử đối với văn hóa có khác biệt so với thời kì Đông Kinh Nghĩa Thục. Năm 1932 là thời điểm cuộc tranh luận về quốc học trên báo chí cơ bản kết thúc. Việc phân chia hai giai đoạn như trên là do bối cảnh lịch sử – xã hội, sự

phát triển của vấn đề quốc học có tính khu biệt giúp đánh giá được ý nghĩa trong từng giai đoạn.

Trong giai đoạn 1900-1913, trọng tâm của bài báo là xem xét quan niệm về quốc học của trí thức Nho học trong phong trào Duy Tân (1903-1904) và Đông Kinh Nghĩa Thục (1907). Chúng tôi sẽ khảo sát nhận thức về quốc học của một số nhà Nho duy tân như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh thông qua các tác phẩm thơ văn của các ông được giới thiệu trong công trình *Phan Bội Châu tác phẩm chọn lọc* (2009), *Phan Châu Trinh toàn tập* (2005) và một số tác phẩm khác; khảo sát quan niệm về quốc học của các trí thức trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, chủ yếu qua tác phẩm *Văn minh tân học sách*, *Quốc dân độc bản* được Chương Thâu giới thiệu trong công trình *Đông Kinh Nghĩa Thục và phong trào cải cách văn hóa, xã hội, tư tưởng đầu thế kỉ XX* (2015).

Giai đoạn từ 1913-1932, khảo sát chủ yếu ở các tờ báo *Nam Phong tạp chí* (1917-1934), *Phụ nữ tân văn* (1929-1935) và *Đông Tây* (1929-1932), nơi 5 trí thức tham gia vào cuộc tranh luận quốc học gồm: Phan Khôi, Phạm Quỳnh, Lê Dư, Trịnh Đình Rư, Nguyễn Trọng Thuật. Kết quả thống kê có 11 bài viết liên quan¹. Ngoài các bài viết trên, chúng tôi xem xét thêm ý kiến về quốc học của Lê Dư từ nguồn sách biên khảo, như *Lời bá cáo* của Nhà xuất bản *Quốc học tùng thư* trong *Vị Xuyên thi văn tập* (1931), xuất hiện cùng thời điểm tranh luận, nhằm bổ sung thêm nguồn tư liệu cho khảo sát. Các từ ngữ được trí thức dùng để diễn đạt, mô tả về quốc học được thu thập và liệt kê trong Bảng 1.

2.2. Quan niệm về quốc học giai đoạn 1900-1913

2.2.1. Những tiền đề cơ bản

Đầu thế kỉ XX, một trong những thay đổi nhận thức quan trọng của các nhà Nho chí sĩ là quan niệm về “nước” và “dân” theo hàm nghĩa mới: “Theo công pháp vạn quốc đã định, được gọi là một nước thì phải có nhân dân, có đất đai, có chủ quyền” (Phan, 2009, p.95). Nước không còn gắn với vua trong tư tưởng “trung quân ái quốc” của tư duy thời kì trung đại mà “Dân là dân nước, nước là nước dân” như Phan Bội Châu đã viết trong “Hải ngoại huyết thư” năm 1906 (dẫn theo Chuong, 2015, p.275). Không chỉ Phan Bội Châu, các chí sĩ duy tân khác như Phan Châu Trinh và nhà Nho của Đông Kinh Nghĩa Thục cũng ủng hộ tư tưởng dân quyền theo khuynh hướng tư sản phương Tây, đề cao tinh thần quốc dân. Nhận thức về quốc gia – dân tộc của các nhà Nho duy tân như thế đã phản nào tiệm cận với quan niệm quốc gia – dân tộc hiện đại, như Anderson (1991) đã định nghĩa quốc

¹ Bao gồm các bài viết: *Cảnh cáo các nhà học phiệt* (Phan Khôi, *Phụ Nữ tân văn*, số 62), *Trả lời bài “Cảnh cáo học phiệt” của Phan tiên sinh* (Phạm Quỳnh, *Nam Phong tạp chí*, số 152), *Về cái ý kiến lập Hội chấn hưng quốc học của ông Phạm Quỳnh* (Phan Khôi, *Phụ nữ tân văn*, số 70), *Bàn về quốc học* (Phạm Quỳnh, *Nam Phong tạp chí*, số 163), *Quốc học với quốc văn* (Phạm Quỳnh, *Nam Phong tạp chí*, số 164), *Quốc học với chính trị* (Phạm Quỳnh, *Nam Phong tạp chí*, số 165), *Luận về quốc học* (Phan Khôi, *Phụ Nữ tân văn*, số 94), *Vấn đề quốc học* (Lê Dư, *Phụ Nữ tân văn*, số 107), *Điều đình cái án quốc học* (Nguyễn Trọng Thuật, *Nam Phong tạp chí*, số 167), *Bất điều đình* (Phan Khôi, *Đông Tây*, số 133).

gia – dân tộc là “cộng đồng trong tâm tưởng”. Quốc gia – dân tộc hàm ý “trong tâm tưởng” vì các thành viên của quốc gia sẽ không bao giờ biết hầu hết các thành viên đồng bào của mình, nhưng trong tâm trí của mỗi người đều có hình ảnh về sự hiệp thông giữa họ (Anderson, 1991, p.6), được hình thành dựa trên mối quan hệ gắn kết tương tượng nhờ sự chia sẻ những niềm tin chung về chủ quyền, ranh giới địa lí, sắc tộc, văn hóa, ngôn ngữ..., từ đó hình thành nên một cộng đồng chung với ý thức dân tộc, bản sắc dân tộc.

Từ ý thức mới về quốc gia – dân tộc, họ đã suy tư về con đường phát triển của đất nước. Tiếp nhận tư tưởng tiến hóa xã hội của Darwin, các nhà Nho duy tân nhận thức xã hội sẽ tiến hóa theo quy luật từ thấp đến cao “các nước trên địa cầu đều từ dã man mà khai hóa thành văn minh” (dẫn theo Chuong, 2015, p.208) như một xu hướng của sự phát triển, trong đó có vai trò của các phương tiện văn minh vật chất, sự tiếp xúc học hỏi giữa các cộng đồng. Nhận thức này khá tiến bộ vì nó đã vượt qua tư tưởng “thiên mệnh” tồn tại phổ biến ở trí thức phong kiến trong xã hội thời trung đại, những người vốn thường có thói quen “tìm tòi sự tinh tế trong các bài văn và hình như loại bỏ hoàn toàn sự suy luận khoa học về vật chất” (Nguyen, 2016 [1944], p.297). Thông qua sách báo tiến bộ, các nhà Nho Việt Nam đã nhìn thấy những vấn đề quan yếu của thời đại. Đó là vấn đề “mưa Âu, gió Mỹ” đang lan tràn, mà trong bối cảnh cụ thể của Việt Nam và khu vực, việc tiếp nhận văn hóa phương Tây là một xu thế không cưỡng nổi; muốn dân tộc khỏi bị thôn tính chỉ có cách tự canh tân về mọi mặt để tự lực tự cường. Tuy nhiên, trong bối cảnh đất nước mất chủ quyền, dân sống khổ cực, nô lệ bên cạnh các nước Âu – Mỹ văn minh, Nhật Bản và Trung Quốc đang duy tân cải cách, các nhà Nho chí sĩ cho rằng chỗ vướng mắc cơ bản và biện pháp chìa khóa để có thể canh tân đất nước, tiến tới dân chủ và dân quyền đều ở chỗ dân trí: “Kể các nước trên mặt địa cầu này, nước này còn là dã man, nước kia đã bán khai, nước nọ thì văn minh. Ấy là tùy theo chỗ dân trí từng nước thông hay tắc, nhiều hay ít, chóng hay chậm mà khác nhau” (dẫn theo Chuong, 2015, p.173). Vì vậy cần phải thay đổi tận gốc, nâng cao dân trí trên nền tảng tiếp thu văn minh, xây dựng văn hóa tiến bộ thì mới có thể mưu cầu cứu nước được.

Dù có khác biệt về phương pháp tiếp cận đối với vấn đề độc lập dân tộc, nhưng các nhà duy tân Việt Nam đều tìm thấy một mục đích chung, đó là hiện đại hóa đất nước. Họ hiểu rằng mọi quốc gia đều có tiềm năng tiến bộ và cải cách xã hội và chính trị, kĩ thuật, khoa học có thể làm cho Việt Nam đạt được trạng thái văn minh, hiện đại như các nước phát triển châu Âu hay các quốc gia hùng mạnh khác trong khu vực như Nhật Bản. Ý thức tự phản tỉnh đối với học thuật Nho giáo góp phần thúc đẩy dẫn tới nhu cầu xây dựng một nền học thuật mới để thay thế.

2.2.2. Nội dung quan niệm về quốc học

Từ những tiền đề trên, tư tưởng về quốc học đã bắt đầu hình thành trong giới trí thức tiến bộ. Trước hết là nhận thức về sự cần thiết phải xây dựng một nền học thuật mới mang tính dân chủ. Quả vậy, thập niên đầu thế kỉ XX, yêu cầu xây dựng nền học thuật mới dựa

trên việc tạo lập nền giáo dục cho quốc dân càng trở nên rõ nét hơn qua các hoạt động của phong trào Duy tân, Đông Kinh Nghĩa Thục gắn với cuộc vận động yêu nước có tính chất dân chủ tư sản, trong đó “khai dân trí” là yêu cầu đầu tiên và có tính chất nền tảng cơ bản nhất. Từ năm 1903, Phan Bội Châu trong bài “Lưu cầu huyết lệ tân thư” đã đề ra ba chủ trương lớn là thay đổi học thuật, nuôi dưỡng nhân tài, chấn hưng dân khí: “Học thuật đổi được thì ta đổi dân, nhân dân nuôi được thì ta nuôi dân, dân khí chấn được thì ta chấn dân. Làm được ba điều ấy, tức là giữ được quốc thể đó vậy”. Phan Bội Châu đề cao sức mạnh của quốc dân, vì “trong cuộc cạnh tranh bằng trí lực giữa các nước, cái quyết định không phải là trí khôn của một số người mà phải là trí khôn của tất cả mọi người” (Dẫn theo Nguyen, 2017, p.50). Phan Châu Trinh chủ trương “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Đặc biệt trong đó, ông nhìn thấy sự giải thoát của dân tộc nằm chủ yếu trong sự học hành, mở mang trí tuệ của dân chúng. Từ tư tưởng “chỉ bằng học” để khai dân trí, Phan Châu Trinh và các đồng chí của ông đã tạo nên một phong trào học mới hết sức sôi nổi trong nước. Đối tượng người học theo ông là tất cả người dân ở mọi giới, mọi thành phần, tuổi tác khác nhau, ai cũng cần phải học để mở mang trí tuệ cho dân, nuôi sống bản thân mình và xây dựng một xã hội tiến bộ, văn minh: “Từ những đấng hoàng thân quý tộc/ Chẳng ai không đi học lấy nghề (...)/ Còn những kẻ sĩ, nông, công, cơ/ Đều học cho trí đủ làm ăn/ Cũng là nữ tử, phụ nhân/ Ai ai cũng có trong thân một nghề” (Phan, 2005, p.345). Các trí thức Đông Kinh Nghĩa Thục coi trọng hàng đầu việc mở mang dân trí để gây cơ sở cho nền tân học nhằm thực hiện mục tiêu lâu dài. Họ chủ trương phải có “phổ cập giáo dục”, cả nước “không một người nào là không được giáo dục” (dẫn theo Chuong, 2015, p.230). Đây là một mục tiêu giáo dục mới mẻ đối với thời bấy giờ, thoát li khỏi tư tưởng học thuật Nho giáo, mang tính dân chủ khi hướng đến một tinh thần giáo dục công dân thông qua việc thúc đẩy ý thức dân tộc, chí tiến thủ cho quần chúng. Đường hướng này là hệ quả của ý thức mới về quốc gia – dân tộc cùng với nhận thức đúng đắn về quy luật tiến hóa xã hội và vai trò của văn hóa – văn minh nơi các chí sĩ yêu nước.

Nếu nhìn về lịch sử trước đó, từ nửa cuối thế kỉ XIX, ý tưởng về thay đổi học thuật đã từng được Nguyễn Trường Tộ đã đề đạt lên triều đình trong *Tế cấp bát điều*: “Việc học tập bồi dưỡng nhân tài là con đường rộng lớn để đi đến giàu mạnh” (Truong, 2002, p.23). Có điều trong khi Nguyễn Trường Tộ mong muốn triều đình là người thực hiện cải cách, thì các Nho sĩ duy tân đặt trọng tâm chủ thể tham gia thay đổi nền học thuật là quốc dân. Đó là khác biệt về chất trong chuyển biến tư tưởng học thuật của giới trí thức thời kì này.

Thứ hai, chúng tôi cho rằng các nhà trí thức giai đoạn 1900-1913 đã quan niệm cần xây dựng một nền quốc học tiến bộ theo xu hướng phương Tây. Định hướng này thể hiện trên phương diện nội dung và phương pháp của lối giáo dục mới. Đây cũng là những nhận thức mới về xu hướng của thời đại, một bước tiến quan trọng so với tư tưởng học thuật thời kì phong kiến trung đại.

Về nội dung, các nhà trí thức chủ trương xoá bỏ nền giáo dục khoa cử Nho giáo, chuyển sang học kiến thức khoa học kỹ thuật tiên bộ của phương Tây để phát triển đất nước theo xu hướng hiện đại hóa. Với nhận thức mới, các chí sĩ yêu nước, đặc biệt là Phan Châu Trinh ngay từ những năm đầu thế kỉ XX cho rằng phải sửa đổi phép thi, thay đổi nền giáo dục cũ bằng nền giáo dục mới lấy kiến thức thực dụng làm nội dung, dạy con người nắm được tri thức cần thiết cho đời sống dân sinh. Đối với các nhà Đông Kinh Nghĩa Thục, họ đề cao tư duy phân tích, khoa học trên tinh thần thực học, thực nghiệp. Vì vậy, chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện nhiều chữ “tân” (mới) như thế trong các tài liệu mà Đông Kinh Nghĩa Thục tuyên truyền ra công chúng: “Mở tân giới, xoay nghề tân học/ Đón tân trào, dựng cuộc tân dân/ Tân thư, tân báo, tân văn...” (dẫn theo Chuong, 2015, p.79). Các trí thức chủ trương đem những điều mới mẻ đó đến cho quốc dân thông qua nhiều nội dung học vấn khác nhau: học kiến thức khoa học thường thức, học nghề, học Quốc ngữ và giáo dục tinh thần công dân. Chủ trương từ bỏ độc tôn chữ Hán để học chữ Quốc ngữ là một nhận thức và hành động mạnh mẽ, táo bạo của Nho sĩ cự học thời bấy giờ, vì trong tâm thức của nhà Nho hàng nghìn năm, chữ Hán là thứ chữ “thiên”, chữ “Thánh hiền”. Các nhà Đông Kinh Nghĩa Thục cổ động sử dụng chữ Quốc ngữ vì họ cho đó là “lợi khí”, là phương tiện hữu dụng nhất trong việc tiếp thu văn hóa, văn minh phương Tây. Với chủ trương và hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục, chữ Quốc ngữ đã nhanh chóng được xã hội hóa và trở thành một sản phẩm văn hóa, được cộng đồng lựa chọn và chấp nhận.

Về phương pháp, các nhà duy tân, Đông Kinh Nghĩa Thục chủ trương dùng lối học mới thay cho lối học cũ. Kịch liệt lên án và phá bỏ lối dạy học từ chương, họ chủ trương xây dựng một phương pháp học mới nhằm khơi dậy sáng tạo, tài năng, kích thích nhiệt huyết của học sinh. Xu hướng mạnh dạn li tâm với học thuật Nho giáo gắn với quan hệ văn hóa khu vực để tiếp thu văn hóa, văn minh phương Tây hiện đại thể hiện rõ nét qua chính sách “sáu đường” được đề ra trong “Văn minh tân học sách” của Đông Kinh Nghĩa Thục: *Dùng văn tự nước nhà, hiệu đính sách vở, sửa đổi phép thi, cổ võ nhân tài, chấn hưng công nghệ, mở tòa báo.*

Như vậy, quan niệm về quốc học đã xuất hiện ở thập niên đầu thế kỉ XX nhằm đáp ứng với những biến đổi nhanh chóng về mặt văn hóa – xã hội trong bối cảnh tiếp xúc văn hóa Đông – Tây đang diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam. Giai đoạn ngắn ngủi 1900-1913 chưa thể tự thành một nền học thuật mới mà chỉ là tư tưởng học thuật. Theo Nguyễn Văn Hiệu, đó là nền học thuật “xét trong thể đối lập với tư tưởng học thuật truyền thống, có những đặc trưng cơ bản là tính chất dân chủ với tư tưởng dân quyền, tính khoa học với tư duy phân tích trên tinh thần thực học và tính quốc tế thể hiện trong mối giao lưu học thuật Đông – Tây vượt hẳn tầm quan hệ có tính khu vực truyền thống” (Nguyễn & Dinh, 2017, p.65). Chúng tôi cho rằng bên dưới tất cả những nhận thức và hoạt động của trí thức Nho học tiên bộ trên là sự kiên định của một ý thức mới về quốc gia – dân tộc. Lần đầu tiên qua tiếp xúc văn hóa Đông – Tây, những nhà trí thức được biết đến quan niệm ý thức về quốc

gia – dân tộc theo kiểu phương Tây và bắt đầu ấp ủ giấc mơ giành độc lập dân tộc. Họ tìm cách chứng minh rằng Việt Nam như nhiều quốc gia khác trên thế giới, xứng đáng là một quốc gia độc lập với nền văn hiến lâu đời và có thể tiến tới văn minh như các nước phương Tây, bằng cách tạo dựng một “trường văn hóa” bản địa độc lập với nền quốc học riêng, gắn với nền quốc văn và ngôn ngữ riêng (Quốc ngữ) nhằm thích nghi và đối ứng với sự áp đặt của chính sách văn hóa nô dịch từ chính quyền thuộc địa. Dưới tác động của định hướng tư tưởng học thuật mới, một mô thức văn hóa mới là “dân chủ + khoa học” theo tiêu chí phương Tây mới được xác lập làm tiền đề cho sự dịch chuyển theo xu hướng hiện đại hóa dù những biểu hiện còn rất sơ khai. Tuy khó tránh khỏi những hạn chế có tính chất lịch sử, nhưng những kết quả quan trọng của tư tưởng học thuật giai đoạn này đã tạo ra tiền đề không thể đảo ngược cho sự phát triển về sau của văn hóa Việt Nam.

2.3. Quan niệm về quốc học trong giai đoạn 1913-1932

Giai đoạn 1913-1932 chứng kiến sự phát triển của trí thức tân học trưởng thành từ các chương trình đào tạo của Pháp. Được trang bị tri thức và phương pháp mới, họ tham gia nhiều hơn vào các chương trình, các dự án văn hóa, đặc biệt trong lĩnh vực báo chí, xuất bản mà chính quyền thuộc địa triển khai nhằm gia tăng sự hiện diện sâu hơn của Pháp tại Đông Dương. Nhưng cũng từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, chủ nghĩa dân tộc phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới. Trong bối cảnh Việt Nam cũng như các quốc gia khác đang tìm tòi xác lập chủ thể dân tộc, hướng tới độc lập dân tộc, vấn đề quốc học ở Đông Á đã được khơi dậy trở lại. Đường hướng quốc học ở Việt Nam được xác lập từ giai đoạn 1900-1913 tiếp tục được thúc đẩy trong giai đoạn 1913-1932 với những đặc điểm mới, dù tính chất yêu nước không còn rõ nét như phong trào Duy Tân và Đông Kinh Nghĩa Thục.

Cũng như nhiều quốc gia trong khu vực Hán học (Trung Quốc, Triều Tiên), ở giai đoạn 1913-1932, Việt Nam tiếp nhận phong trào quốc học từ Nhật Bản, bởi ngoài yếu tố thời đại, còn do sự ngưỡng mộ đối với thành công của đất nước Nhật Bản duy tân với nền tảng văn hóa – tinh thần đặc sắc, độc lập. Quan niệm về quốc học của một số trí thức Việt Nam ban đầu vì vậy ít nhiều giống với quốc học ở Nhật Bản, chủ trương quay về văn hóa truyền thống của dân tộc để kiến tạo quốc học, kiểu như phong trào quốc học Nhật Bản thời Edo. Tiêu biểu trong số đó là Lê Dư, người từng du học ở Nhật Bản trong phong trào Đông Du. Ông cho rằng, tại Việt Nam từ cổ chí kim có bốn nền văn học (văn học chữ Hán, văn học Phật giáo, văn học Tây học, văn học bằng chữ Nôm và chữ Quốc ngữ): ba loại đầu chính là nền học văn xưa nay nhưng đều là những thứ “ngoại lai”, chỉ học những thứ này thì không thể hiểu biết hết về đất nước mình cho nên cần phải kiến tạo một nền văn học mới (Le, 1931b). Ông lấy “quốc học” của Nhật Bản làm hình mẫu và cho xuất bản *Quốc học tùng san* từ cuối những năm 1920 với mục đích xác lập nền “quốc học” theo hướng tìm hiểu sâu về văn học truyền thống Việt Nam, trong đó tập trung vào “văn học chữ Nôm” mà ông cho là đặc sắc tinh thần Việt Nam nhất.

Quan niệm ban đầu về quốc học của Lê Du như thế có vẻ như đã không còn phù hợp với xu hướng Âu hóa mạnh mẽ ở Việt Nam thời kì này, vì thế làm bùng lên cuộc tranh luận về vấn đề quốc học. Khảo sát cuộc tranh luận về quốc học ở các tờ báo trên, chúng tôi ghi nhận quan niệm của trí thức đương thời về quốc học như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1. Quan niệm của trí thức về “quốc học”

Trí thức	Quan niệm về quốc học	Nguồn
Lê Du	Tư tưởng phát ra làm văn chương = quốc hồn = quốc học	Lời bá cáo, <i>Vị Xuyên thi văn tập</i> (Le, 1931a)
	Văn chương + lịch sử = quốc học	Lời bá cáo, <i>Vị Xuyên thi văn tập</i> (Le, 1931a)
	Học văn, kĩ thuật của một nước	Vấn đề quốc học, <i>Phụ nữ tân văn</i> , số 107. (Le, 1931b, p.15)
	Bao hàm quốc văn, quốc sử, quốc túy: + Quốc văn (quốc văn học): các học thuyết, lí thuyết; quốc ca, Quốc ngữ (chữ Nôm và chữ Quốc ngữ) + Quốc sử (chính trị sử): chính trị và pháp luật, chế độ, phong tục, tập quán, kĩ thuật + Quốc túy: trường sở mĩ điểm thuộc về vật chất, về tinh thần của dân tộc tính (do địa lí và lịch sử hình thành)	Vấn đề quốc học, <i>Phụ nữ tân văn</i> , số 107. (Le, 1931b, p.15)
Trịnh Đình Rư	Học thuyết	Dẫn theo Luận về quốc học, <i>Phụ nữ tân văn</i> , số 94 (Phan, 1931, p.5)
Phan Khôi	Nền học thuật	Cảnh cáo các nhà học phiệt, <i>Phụ nữ tân văn</i> , số 62 (Phan, 1930, p.11)
		Luận về quốc học, <i>Phụ nữ tân văn</i> , số 94. (Phan, 1931, p.7)
	Cái học riêng của một nước, bao hàm triết học và khoa học (nghĩa rộng)	Luận về quốc học, <i>Phụ nữ tân văn</i> , số 94. (Phan, 1931, p.7-8)
Phạm Quỳnh	Học thuật chơn chánh	Trả lời bài “Cảnh cáo các nhà học phiệt”, <i>Nam Phong tạp chí</i> , số 152 (Pham, 1930, p.13)
	Tinh thần học văn	Trả lời bài “Cảnh cáo các nhà học phiệt” của Phan tiên sinh, <i>Nam Phong tạp chí</i> số 152 (Pham, 1930, p.13)
	Tư tưởng mới, học thuyết mới	Bàn về quốc học, <i>Nam Phong tạp chí</i> , số 163 (Pham, 1931a, p.515)
	Phong trào về tư tưởng học thuật trong một nước	Bàn về quốc học, <i>Nam Phong tạp chí</i> , số 163 (Pham, 1931a, p.517)

	Học thuyết cùng nghĩa lí cũ của Á đông + những điều chân lí cùng những sự phát minh của khoa học Thái Tây	Bàn về quốc học, <i>Nam Phong tạp chí</i> , số 163 (Pham, 1931a, p.522)
	Cái độc lập về tinh thần, cái cốt cách Việt Nam của ta	Quốc học với chính trị, <i>Nam Phong tạp chí</i> số 165 (Pham, 1931b, p.107)
Nguyễn Trọng Thuật	Cái học riêng của một nước	Điều đình cái án quốc học, <i>Nam Phong tạp chí</i> , số 167 (Nguyen, 1931, p.364).

Bảng 1 cho thấy, dù có nhiều cách hiểu khác nhau về quốc học, nhưng hầu hết trí thức quan niệm quốc học là nền học thuật của nước nhà, phân biệt với học thuật của nước ngoài. Họ cũng có nhận thức tương đồng về những thành tố để tạo nên quốc học, dù nội dung của từng thành tố thì còn có bất đồng. Theo đó, họ thống nhất rằng quốc học của một quốc gia độc lập phải bao gồm ba thành tố chính là “quốc văn”, “quốc sử” và “quốc túy” (Le, 1931b, p.15). Về quốc văn, tất cả 5 trí thức nêu trên đều tán thành phải gắn với Quốc ngữ. Về “quốc sử”, họ cho rằng cần thúc đẩy việc viết lại quốc sử bằng chữ Quốc ngữ. Phan Khôi về sau đề xuất thêm quốc sử phải là lịch sử của dân tộc Việt Nam; và lịch sử dân tộc là lịch sử của các lãnh tụ (quốc thống) và quần chúng nhân dân (Phan, 1937). Đối với vấn đề “quốc túy”, một số trí thức chủ trương quay về văn hóa truyền thống. Lê Dư tập trung vào văn chương chữ Nôm. Phạm Quỳnh kêu gọi sưu tầm, giới thiệu văn chương truyền khẩu, khảo cứu giới thiệu di sản Nho học, trong đó chủ yếu là Tống Nho. Do chưa thuyết phục được nhau, nên các trí thức trong cuộc tranh luận vẫn chưa thể thống nhất lấy gì làm “quốc túy”. Có chăng họ chỉ mới chú ý đến khía cạnh đạo đức luân lí trong di sản Nho giáo truyền thống. Họ cũng quan niệm quốc văn, quốc sử, quốc túy hợp lại sẽ tạo ra quốc hồn (Le, 1931b, p.15). Phạm Quỳnh là người đặc biệt chú ý đến quốc hồn, quốc túy với mong muốn xây dựng một “tinh thần học phong và sĩ khí mới”. Theo Phạm Quỳnh, một nước cần phải có quốc hồn, nếu không thì việc chung giống nòi, cùng tiếng nói, cùng phong tục, cùng lễ giáo cũng chưa đủ làm thành một nước. Ông khẳng định hồn của chủng tộc là cái thâm sâu, là “thành quách kiên cố” mà người ta cần nuôi dưỡng. Nó là cái “bản thể có sinh hoạt”, “làm chủ cho cả sự tiến hóa của dân tộc” (Pham, 1932, p.234).

Để hiểu những quan niệm về quốc học nêu trên từ góc độ văn hóa, cần đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của giai đoạn trước năm 1945. Thời kì đó, Đào Duy Anh trong “Việt Nam văn minh sử cương” (1938) và “Văn hóa là gì” (1945) đều đưa ra định nghĩa về văn hóa. Theo đó, “văn hóa là những giá trị biểu hiện cuộc sinh hoạt mạnh mẽ của loài người, trong cả các phương diện vật chất, tinh thần và xã hội. Nó bao gồm hình thái kĩ thuật, kinh tế, chính trị, pháp luật, binh chế, giáo dục, ngôn ngữ, văn tự, văn học, nghệ thuật, khoa học, triết học, phong tục, lễ nghi, tôn giáo..., còn văn minh chỉ là giai đoạn khá cao của văn hóa” (Dao, 2005 [1945], p.691-692). Dựa theo định nghĩa của Đào Duy Anh, có thể thấy quan niệm quốc học của Lê Dư, Trịnh Đình Rư và Nguyễn Trọng Thuật rất gần

với định nghĩa “văn hóa”, còn cách hiểu quốc học của Phan Khôi và Phạm Quỳnh gần với “văn minh”.

Như vậy, quan niệm về quốc học của trí thức giai đoạn này có những điểm tương đồng và dị biệt, nhưng nhìn chung, thể hiện được nhận thức về những nền tảng cơ bản cần thiết cho sự hình thành quốc gia – dân tộc hiện đại và sự phát triển của xã hội Việt Nam trong tương lai. Quốc học đã được các trí thức thời kì 1913-1932 đề cập tới với các trường nghĩa rộng, hẹp khác nhau. Ở nghĩa hẹp, đó là “học thuyết”, là “tư tưởng”, những thứ tạo thành nền tảng tinh thần dẫn dắt xã hội. Ở nghĩa rộng hơn, quốc học được hiểu như là “nền học thuật”, bao gồm trong đó “sự học”, “nền học vấn” của một nước. Ở nghĩa khái quát chung nhất, quốc học được hiểu như nền văn hóa có bản sắc riêng của một quốc gia, là nền văn minh theo nghĩa văn minh là sự phát triển trình độ cao hơn của văn hóa. Cũng cần chú ý thêm, vào giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, hai khái niệm “văn hóa” và “văn minh” còn được hiểu tương đồng với nhau, như nhà nhân học Tylor viết trong cuốn “Văn hóa nguyên thủy” năm 1871: “Văn hóa, hay văn minh, theo nghĩa rộng về tộc người học, là một chỉnh thể phức hợp bao gồm tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, tập quán, một số năng lực và thói quen khác được con người chiếm lĩnh với tư cách một thành viên của xã hội” (Tylor, 2001, p.13). Vì vậy, suy cho cùng, quốc học cũng chính là nền văn hóa có bản sắc riêng của một quốc gia.

Để phát triển quốc học, nhìn chung hầu hết các trí thức giai đoạn 1913-1932 quan niệm cần học tập mô hình phương Tây để phát triển, nhưng chủ trương cần phải chọn lọc những giá trị tốt đẹp trong nền giáo dục – văn hóa truyền thống, kết hợp với học hỏi những giá trị mới từ bên ngoài. Lê Dư một mặt cho rằng “phải dựng lên một cái học phong có căn bản”, nhưng mặt khác cũng “phải xét rõ cái nguồn gốc nước ta là thế nào, cái đường tiến thủ cách sinh tồn của ta nên thế nào, lại thu thái những khoa học tư tưởng mới của các nước văn minh trong thế giới để vun bồi cho nền văn học ấy tạo ra một cái hồn riêng” (Le, 1933, p.400-408). Phạm Quỳnh là người chủ trương mạnh mẽ nhất tư tưởng “Đông – Tây dung hợp luận” (Phạm, 1931, p.522). Tuy nhiên, trong chủ trương “Đông – Tây dung hợp luận”, như Akio (2012) nhận xét, Phạm Quỳnh chưa nhận ra được mâu thuẫn giữa “Đạo học” phương Đông với khoa học phương Tây nên thể hiện cách nhìn lạc quan thái quá về vấn đề này. Chúng tôi nhận thấy rằng cũng như nhiều trí thức cùng thời, Phạm Quỳnh chưa chỉ ra được cách nào để kết hợp những yếu tố trên để xây dựng và phát triển quốc học.

Lịch sử cho thấy vào các thời kì thuộc địa, văn hóa của các dân tộc thường bị đứt gãy. Quá trình bảo lưu và kiến tạo lại bản sắc văn hóa dân tộc luôn luôn diễn ra song hành với sự áp đặt văn hóa của chính quyền thuộc địa. Trong giai đoạn 1913-1932, khi trí thức trao đổi suy nghĩ của họ trong cuộc tranh luận quốc học, các quan điểm về sự hợp nhất giữa văn minh và văn hóa truyền thống đã góp phần tạo ra một dấu ấn về bản sắc văn hóa dân tộc của Việt Nam. Vì vậy, quá trình nhận thức về quốc học đã đóng góp vào quá trình tìm kiếm, định vị và kiến tạo lại bản sắc Việt Nam trong bối cảnh thuộc địa. Từ những

nhận thức đó, họ đã có những ứng xử tích cực như nghiên cứu phổ biến tư tưởng học thuật và văn chương Đông, Tây, giới thiệu văn hóa dân gian, gạn lọc di sản Nho giáo.

Các trí thức trong giai đoạn 1913-1932 tùy theo địa vị, cách nhìn, đã đưa ra những quan niệm và thực hiện những khía cạnh khác nhau của vấn đề quốc học, qua đó thể hiện mong muốn gây dựng, bồi đắp, giải quyết những vấn đề bức thiết của văn hóa dân tộc đang đặt ra trong thời đại của mình. Nếu như chính quyền thuộc địa tìm cách loại bỏ Nho giáo, đưa văn minh phương Tây thâm nhập vào Việt Nam và tiến hành đồng hóa văn hóa, thì trí thức Việt Nam lại chủ trương gạn lọc Nho học (đã được tiếp biến thành văn hóa nội sinh) và văn hóa truyền thống, học hỏi văn minh, kiến tạo lại bản sắc văn hóa dân tộc. Tinh thần dân tộc đã dẫn dắt họ lựa chọn một mô thức văn hóa mới cho Việt Nam là “dân chủ + khoa học + truyền thống” trên cơ sở kế thừa mô thức văn hóa “dân chủ + khoa học” mà các trí thức yêu nước thập niên 90 thế kỉ XX đã định hình.

3. Kết luận

Quan niệm về quốc học của trí thức Việt Nam đã được hình thành từ những thập niên đầu tiên của thế kỉ XX trên cơ sở của ý thức mới về quốc gia – dân tộc và nhận thức về vai trò của văn hóa – văn minh. Quan niệm về quốc học đã dần dần được định hình rõ hơn và có sự phát triển trong giai đoạn 1900-1932, từ tư tưởng học thuật tiến bộ đến một nền văn hóa có bản sắc riêng của dân tộc. Trên cơ sở những quan niệm đó, mô thức văn hóa “dân chủ + khoa học + truyền thống” đã được xác lập trong những thập niên đầu thế kỉ XX làm tiền đề cho những cải cách văn hóa - xã hội mạnh mẽ. Mô thức văn hóa mới này có thể giúp Việt Nam kiến tạo lại bản sắc trong bối cảnh thuộc địa, thúc đẩy văn hóa chuyển biến từ quan hệ khu vực sang quốc tế và bước vào thời kì hiện đại hóa, cũng như làm tiền đề cho sự phát triển về lâu dài. Đó là đóng góp của quốc học Việt Nam cho quá trình hiện đại hóa văn hóa nước nhà, dù trong quá trình đó còn không ít hạn chế có tính lịch sử. Vì vậy, khi nghiên cứu về tiến trình hiện đại hóa văn hóa dân tộc trong những thập niên đầu thế kỉ XX, cũng cần đặc biệt chú ý đến vai trò của quốc học bên cạnh những vấn đề khác.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Akio, I. (2012). Nghi về “Quoc hoc” o Dong A thong qua cuoc luan chien ve “quoc hoc” o Viet Nam thap ki 1930 [Thinking about "National Learning" in East Asia through a debate on "National Learning" in Vietnam in the 1930s]. (Translated by Nguyen Thi Thanh Tam). *Journal of Literacy Studies*, (2).
- Anderson, B. (1991). *Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism*. London: Verso.

- Chuong, T. (2015). *Dong Kinh Nghia Thuc va phong trao cai cach van hoa, xa hoi, tu tuong dau the ki XX [The Dong Kinh Free School and the Movements of Cultural, Social, Though Renovation in the Early Twentieth Century]*. Hanoi: Hong Duc Publising House.
- Dao, D. A. (2005 [1945]). *Van hoa la gi. Nghien cuu van hoa va ngu van [What is Culture? Cultural and Literacy Studies]*. Hanoi: Vietnam Education Publishing House.
- Le, D. (1931a). *Loi ba cao. Vi Xuyen thi van tap [Note. Vi Xuyen Collection of Essays and Poems]*. Hanoi: National Learning Publising House.
- Le, D. (1931b). *Van de Quoc hoc [The Question of National Learning]*. *Women's News*, 107.
- Le, D. (1933). *Nguon goc van hoc nuoc nha va nen van hoc moi [The Origins of Literature of our Nation and the New Literature]*. *Southern Ethos Magazine*, 190.
- Nguyen, T. T. (1931). *Dieu dinh cai an quoc hoc [Settle the Case of National Learning]*. *Southern Ethos Magazine*, 167.
- Nguyen, V. H. & Dinh, T. D. (2017). *Van hoa hoc va mot so van de lich su, van hoa [Cutlural Studies and some of Issues of History, Culture]*. Ho Chi Minh City: HCM National University Publising House.
- Nguyen, V. H. (2016) [1944]. *Van minh Viet Nam [The Vietnamese Civilization]*. (Translated by Do Trong Quang). Hanoi: Writers' Association Publishing House.
- Pham, Q. (1930). *Tra loi bai "Canh cao cac nha hoc phiet" của Phan tien sinh [My Reply to Mr. Phan's "Be warned, All You Scholar-Autocrats"]*. *Southern Ethos Magazine*, (152), 10-14.
- Pham, Q. (1931a). *Ban ve Quoc hoc [On National Learning]*. *Southern Ethos Magazine*, (163), 515-526.
- Pham, Q. (1931b). *Quoc hoc voi chinh tri [National Learning and Politics]*. *Southern Ethos Magazine*, 165.
- Pham, Q. (1932). *Hon cua chung toc [The Soul of Nation]*. *Southern Ethos Magazine*, (170), 231-235.
- Phan, K. (1930). *Canh cao cac nha hoc phiet [Be Warned, All You Scholar-Autocrats]*. *Women's News*, (62).
- Phan, K. (1931). *Luan ve Quoc hoc [On National Learning]*. *Women's News*, (94), 5-8.
- Phan, K. (1937). *May cuoc quan chung van dong o xu ta [Some of People Movements in Our Country]*. *Perfume River Magazine*, (29), 11-15.
- Phan, B. C. (1903). *Luu Cau huyet le tan thu [A New Letter Written in Blood and Tear from Luu Cau]*. Retrieved from <http://www.vietnamvanhien.org/LuuCauHuyetLeTanThu.pdf>
- Phan, B. C. (2009). *Phan Boi Chau tac pham chon loc [Selected Works of Phan Boi Chau]*. Hanoi: Vietnam Education Publishing House.
- Phan, C. T. (2005). *Phan Chau Trinh toan tap [Complete Works of Phan Chau Trinh]*. Danang: Danang Publising House.
- Truong, B. C. (2002). *Nguyen Truong To – con nguoi va di thao [Nguyen Truong To – Lifetime and Works]*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City Publishing House.
- Tylor, E. (2001). *Van hoa nguyen thuy [Primitive Culture]*. (Translated by Huyen Giang). Hanoi: Art Cultural Magazine.

**THE VIEWS OF NATIONAL LEARNING OF VIETNAMESE INTELLECTUALS
IN THE FIRST THREE DECADES OF TWENTIETH CENTURY**

Doan Nguyen Thuy Trang

Ho Chi Minh Cadre Academy, Vietnam

Corresponding author: Doan Nguyen Thuy Trang – Email: trangdnt.sg@gmail.com

Received: September 29, 2021; Revised: October 21, 2021; Accepted: October 25, 2021

ABSTRACT

This article explores the views of national learning of Vietnamese intellectuals in the 1930s through the content analysis of documents that are public in the contemporary books and newspapers. The article is divided into two periods: from 1900 to 1913 and from 1913 to 1932. The period 1900-1913 marked the prominent role of former Confucian intellectuals, while the period 1913-1932 had participation of more neoclassical intellectuals. The results show that the views of national learning has shown a new perceptions of Vietnamese intellectuals about nationalism and has contributed to re-creating the identity and promoting the modernization of Vietnamese culture. The -re-identification of the perception of national learning in the early twentieth century helps to assess accurately the role of national learning in the process of Vietnamese culture.

Keywords: intellectuals; modernization; nationalism; national learning